

Uông Bí, ngày 6 tháng 5 năm 2020

I. Mục đích yêu cầu

Giúp HS:

Củng cố kiến thức, kỹ năng trong chương trình môn Ngữ văn của học sinh lớp 10 học kì 2 (từ tiết 56 đến tiết 83)

Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để đọc hiểu văn bản và viết bài văn nghị luận.

Cụ thể: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao các đơn vị kiến thức sau:

+ Kiến thức về văn bản: vận dụng các kiến thức về văn bản đọc hiểu một văn bản ngoài sách giáo khoa.

+ Kiến thức về văn học: Nội dung và hình thức nghệ thuật của một số văn bản văn học Việt Nam trong chương trình Ngữ văn lớp 10, kì II: *Phú sông Bạch Đằng* – Trương Hán Siêu; *Đại cáo bình Ngô* – Nguyễn Trãi; *Truyện Kiều* – Nguyễn Du

+ Kỹ năng làm văn: Vận dụng kiến thức, kỹ năng làm văn nghị luận để viết bài nghị luận xã hội (tích hợp với văn bản đọc – hiểu) và bài nghị luận văn học (tích hợp với phần kiến thức về văn học)

Có định hướng ôn tập, kiểm tra học kì II đạt kết quả tốt nhất

II. Nội dung

II.1. Phần đọc hiểu

Nhận biết đúng, chính xác về văn bản:

Nhận biết về các phương thức biểu đạt: tự sự; miêu tả; biểu cảm; nghị luận; thuyết minh; hành chính - công vụ

Nhận biết về các phong cách chức năng ngôn ngữ đã học: phong cách ngôn ngữ sinh hoạt; phong cách nghệ thuật,

Nhận biết về các biện pháp tu từ từ vựng (so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, phép điệp, phép đối)

Thông hiểu văn bản:

Hiểu được nội dung văn bản.

Phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ. (Lưu ý: Nên phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trên các phương diện: tạo nên sự sinh động, hấp dẫn cho văn bản; góp phần khắc họa đối tượng và thể hiện cảm xúc, tư tưởng của tác giả.)

II.2. Phần làm văn

II.2.1 Nghị luận xã hội

- Viết một đoạn văn nghị luận (200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về một vấn đề được gọi ra từ văn bản đọc hiểu.

- Dạng bài: nghị luận về một vấn đề thuộc tư tưởng, đạo lý hoặc nghị luận về một hiện tượng đời sống

- Yêu cầu:

+ Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ: Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.

+ Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

+ Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận

+ Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu

Lưu ý: để làm tốt dạng tập này, học sinh cần ôn lại kiến thức về cách làm bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lý và nghị luận về một hiện tượng đời sống

II.2.2. Nghị luận văn học

Viết một bài văn nghị luận văn học (tác phẩm hoặc đoạn trích) hấp dẫn, giàu sức thuyết phục.

*** Nghị luận về một đoạn thơ**

Gợi ý cách làm:

@Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, về tác phẩm, về đoạn thơ.

- Giới thiệu khái quát yêu cầu của đề bài.

@Thân bài:

- Phân tích yêu cầu của đề bài. (Cần phải xây dựng được luận điểm để triển khai ý theo luận điểm ấy và hướng người đọc theo luận điểm vừa xây dựng của mình).

- Cần chú ý khai thác từ ngữ, nhịp thơ, các biện pháp tu từ để làm rõ nội dung.

- Diễn đạt phải rõ ràng, lời văn viết phải có cảm xúc.

- Mở rộng, so sánh đề bài viết được phong phú, thuyết phục. Tránh diễn xuôi ý thơ, viết lan man.

@Kết bài:

- Đánh giá khái quát nội dung, nghệ thuật bài thơ, đoạn thơ.

II.3. Ôn tập kiến thức cơ bản một số tác phẩm văn học trung đại Việt Nam

A. Tác phẩm *Phú sông Bạch Đằng* (*Bạch Đằng giang phú*- Trương Hán Siêu)

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

Trương Hán Siêu (? - 1354) là người có học vấn uyên thâm, từng tham gia các cuộc chiến đấu của quân dân nhà Trần chống quân Mông – Nguyên, được các vua Trần tin cậy và nhân dân kính trọng.

2. Tác phẩm

– Thể loại : phú cổ thể.

– Hoàn cảnh ra đời : khi vương triều nhà Trần đang có biểu hiện suy thoái, cần phải nhìn lại quá khứ anh hùng để củng cố niềm tin trong hiện tại.

II. Nội dung, nghệ thuật

1. Nội dung

– Hình tượng nhân vật "khách"

+ "Khách" xuất hiện với tư thế của con người có tâm hồn khoáng đạt, có hoài bão lớn lao. Tráng chí bốn phương của "khách" được gọi lên qua hai loại địa danh (lấy trong điển cố Trung Quốc và những địa danh của đất Việt).

+ Cảm xúc vừa vui sướng, tự hào vừa buồn đau, nuối tiếc.

– Hình tượng các bô lão (có thể là nhân dân địa phương, có thể là hư cấu)
+ Các bô lão đến với "khách" bằng thái độ nhiệt tình, hiếu khách, tôn kính khách.
Sau một câu hỏi tương về việc "Ngô chúa phá Hoàng Thao", các bô lão kể cho "khách" nghe về chiến tích "Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã" (kể theo trình tự diễn biến của sự kiện với thái độ, giọng điệu đầy nhiệt huyết, tự hào). Lời kể ngắn gọn, cô đọng, súc tích,...

+ Sau lời kể về trận chiến là suy ngẫm, bình luận của các bô lão về chiến thắng trên sông Bạch Đằng : chỉ ra nguyên nhân ta thắng, địch thua ; khẳng định vị trí, vai trò của con người. Đó là cảm hứng mang giá trị nhân văn và có tầm triết lí sâu sắc.

+ Cuối cùng là lời ca của các bô lão mang ý nghĩa tổng kết, có giá trị như một tuyên ngôn về chân lí : Bất nghĩa thì tiêu vong, có nhân nghĩa thì lưu danh thiên cổ.

– Lời ca và cũng là lời bình luận của "khách" :

Ca ngợi sự anh minh của "hai vị thánh quân", đồng thời ca ngợi chiến tích của quân và dân ta trên sông Bạch Đằng. Hai câu cuối vừa biện luận vừa khẳng định chân lí : Trong mối quan hệ giữa địa linh và nhân kiệt, nhân kiệt là yếu tố quyết định. Ta thắng giặc không chỉ ở "đất hiểm" mà quan trọng hơn là bởi nhân tài có "đức cao".

2. Nghệ thuật

– Sử dụng thể phú tự do, không bị gò bó vào niêm luật, kết hợp giữa tự sự và trữ tình, có khả năng bộc lộ cảm xúc phong phú, đa dạng,...

– Kết cấu chặt chẽ, thủ pháp liên ngâm, lối diễn đạt khoa trương,...

3. Ý nghĩa văn bản

Thể hiện niềm tự hào, niềm tin vào con người và vận mệnh quốc gia, dân tộc.

B. Tác phẩm Đại cáo bình Ngô (Bình Ngô đại cáo - Nguyễn Trãi)

I. Tìm hiểu chung

– Hoàn cảnh ra đời : Đầu năm 1428, sau khi dẹp xong giặc Minh, Lê Lợi lên ngôi vua, giao cho Nguyễn Trãi viết bài cáo để tuyên bố kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình cho dân nước.

– Thể loại cáo và lối văn biền ngẫu (SGK).

II. Nội dung, nghệ thuật

1. Nội dung

– Luận đề chính nghĩa : nêu cao tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân, khẳng định nền độc lập dân tộc, quyền tự chủ và truyền thống lâu đời với những yếu tố cơ bản về văn hoá, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán và sự tự ý thức về sức mạnh dân tộc.

– Bản cáo trạng tội ác được xây dựng trên tư tưởng nhân nghĩa và lập trường dân tộc, vì dân mà lên án tội ác của giặc nên lời văn gan ruột, thống thiết ; chứng cứ đầy sức thuyết phục.

– Quá trình kháng chiến và chiến thắng : hình ảnh đạo quân nhân nghĩa từ dân mà ra, vì dân mà chiến đấu, chiến đấu bằng sức mạnh của dân mà nổi bật là hình ảnh lãnh tụ nghĩa quân Lam Sơn với những đặc điểm của người anh hùng mang đầy đủ phẩm chất và sức mạnh của cộng đồng trong cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh.

– Lời tuyên ngôn độc lập và hoà bình trang trọng, hùng hồn trong không gian, thời gian mang chiều kích vũ trụ vĩnh hằng.

2. Nghệ thuật

Bút pháp anh hùng ca đậm tính chất sử thi với các thủ pháp nghệ thuật so sánh, tương phản, liệt kê ; giọng văn biến hoá linh hoạt, hình ảnh sinh động, hoành tráng.

3. Ý nghĩa văn bản

Bản anh hùng ca tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, gian khổ mà hào hùng của quân dân Đại Việt ; bản Tuyên ngôn Độc lập sáng chói tư tưởng nhân nghĩa yêu nước và khát vọng hoà bình.

C. Đoạn trích *Trao duyên* (Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

I. Tìm hiểu chung

Đoạn trích từ câu 723 đến câu 756 của *Truyện Kiều*, mở đầu cho cuộc đời đau khổ của Kiều.

II. Nội dung, nghệ thuật

1. Nội dung

Đoạn 1 (18 câu đầu): Thuý Kiều nhờ Thuý Vân thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng.

– Kiều nhờ cậy Vân (chú ý sắc thái biểu cảm của các từ ngữ "cậy", "lạy", "thưa").

Lời xưng hô của Kiều vừa như trông cậy vừa như nài ép, phù hợp để nói về vấn đề tế nhị "tình chị duyên em".

– Nhắc nhở mối tình của mình với chàng Kim : thắm thiết nhưng mong manh, nhanh tan vỡ. Chú ý cách kể nhân về phía mong manh, nhanh tan vỡ của mối tình.

– Kiều trao duyên cho em. Chú ý cách trao duyên – trao lời tha thiết, tâm huyết; trao kỉ vật lại dùng dằng, nửa trao, nửa níu – để thấy tâm trạng của Kiều trong thời khắc đoạn trường này.

Đoạn 2 (còn lại): Tâm trạng của Kiều sau khi trao duyên.

– Dự cảm về cái chết trở đi, trở lại trong tâm hồn Kiều; trong lời độc thoại nội tâm đầy đau đớn, Kiều hướng tới người yêu với tất cả tình yêu thương và mong nhớ.

– Từ chỗ nói với em, Kiều chuyển sang nói với mình, nói với người yêu; từ giọng đau đớn chuyển thành tiếng khóc, khóc cho mình, khóc cho mối tình đầu trong sáng, đẹp đẽ vừa mới chớm nở đã tan vỡ.

2. Nghệ thuật

– Miêu tả tinh tế diễn biến tâm trạng nhân vật.

– Ngôn ngữ độc thoại nội tâm sinh động.

3. Ý nghĩa văn bản

Vẻ đẹp nhân cách Thuý Kiều thể hiện qua nỗi đau đớn khi duyên tình tan vỡ và sự hi sinh đến quên mình vì hạnh phúc của người thân.

D. Đoạn trích *Chí khí anh hùng* (Trích *Truyện Kiều*- Nguyễn Du)

I. Tìm hiểu chung

Đoạn trích từ câu 2213 đến câu 2230 của *Truyện Kiều* : Từ Hải từ biệt Thuý Kiều ra đi lập sự nghiệp lớn.

II. Nội dung, nghệ thuật

1. Nội dung

– Khát vọng lên đường(bốn câu đầu đoạn trích)

Khát khao được vẫy vùng, tung hoành bốn phương là một sức mạnh tự nhiên không gì có thể ngăn cản nổi.

– Lí tưởng anh hùng của Từ Hải (phần còn lại). Chú ý các động thái của Từ :

+ Không quyến luyến, bịn rịn, không vì tình yêu mà quên đi lí tưởng cao cả.

+ Trách Kiều là người tri kỉ mà không hiểu mình, khuyên Kiều vượt lên trên tình cảm thông thường để sánh với anh hùng.

+ Hứa hẹn với Kiều về một tương lai thành công.

+ Khẳng định quyết tâm, tự tin vào thành công.

2. Nghệ thuật

Khuynh hướng lí tưởng hoá người anh hùng bằng bút pháp ước lệ và cảm hứng vũ trụ ; trong đó, hai phương diện ước lệ và cảm hứng vũ trụ gắn bó chặt chẽ với nhau.

3. Ý nghĩa văn bản

Lí tưởng anh hùng của Từ Hải và ước mơ công lí của Nguyễn Du.

TỔ NGỮ VĂN